TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2017/HNGĐ- ST
Ngày: 10-8-2017
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thế Hùng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Huề

2. Bà Nguyễn Thị Hường

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Đăng Hạnh** - Thư ký TAND huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ tham gia phiên toà: Bà **Bùi Thị Mai**- Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 149/2017/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2017/QĐXX-ST ngày 20 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên toà số 29/2017/QĐST- HNGĐ ngày 04/8/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị L, sinh năm 1992

Đăng ký HKTT: Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Hiện ở địa chỉ: Thôn A, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Nhật T, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(Tại phiên toà có mặt chị L, vắng mặt anh T không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hoà giải và tại phiên toà, nguyên đơn là chị Đỗ Thị L trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Nhật T do tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình vào ngày 30/4/2014. Sau khi kết hôn, vợ

chồng chung sống hoà thuận đến khoảng đầu năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn T xuyên cãi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị L phát hiện thấy anh T bị nghiện ma tuý và không chăm lo cho gia đình; anh T đi làm nhưng không đủ tiền chi tiêu mà còn lấy tiền của chị nên kinh tế gia đình khó khăn. Tháng 7/2015 chị đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở thôn A, xã Q huyện Q sinh sống và nhờ ông bà chăm nom con giúp cho đến nay. Thời gian đầu khi chị về nhà ngoại sinh sống, anh T có gọi điện một vài lần, sau đó không gọi điện, không gửi tiền về nuôi con và không quan tâm đến vợ con nữa. Chị và anh T chính thức ly thân từ tháng 7/2015 cho đến nay. Chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin ly hôn anh T.

Chị và anh T có 01 con chung là Nguyễn Nhật Huy H, sinh ngày 25/6/2015. Hiện nay con chung đang ở với chị. Sau khi ly hôn, chị L xin được nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh T góp cấp dưỡng nuôi con chung cho chị L mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi trưởng thành.

Về tài sản: Chị L khai chị và anh T không có tài sản gì chung, vợ chồng không nợ ai tài sản gì. Chị L không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản.

Bị đơn là anh Nguyễn Nhật T đã được Toà án tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh T vẫn vắng mặt tại phiên toà. Tại bản tự khai, biên bản hoà giải anh T đã trình bày về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn đúng như chị L đã khai. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình T đến cuối năm 2014 đầu năm 2015 anh đi làm xa nhà và do mải chơi nên thiếu quan tâm chăm sóc tới vợ con dẫn tới vợ chồng phát sinh mâu thuẫn cãi nhau. Thời gian trước đây anh có nghiện ma tuý nhưng nay anh không còn sử dụng ma tuý nữa. Đầu năm 2016 anh và chị L bàn nhau đưa con gửi ông bà ngoại để có người chăm sóc mẹ con chị L. Chị L và con đã ở nhà bố mẹ đẻ từ đầu năm 2016 cho đến nay không về nhà chồng. Anh và gia đình thỉnh thoảng vẫn sang tìm nhưng chị L không về. Anh T thừa nhận anh mải chơi ít quan tâm tới gia đình, anh đã nhận ra khuyết điểm của mình và xin sửa chữa những lỗi lầm và mong chị L cho anh cơ hội nhưng chị L cho anh là người thiếu trách nhiệm với gia đình. Anh và chị L đã ly thân từ đầu năm 2016 tới nay cũng là do anh tìm nhưng chị L không về. Nay chị L xin ly hôn, anh không đồng ý ly hôn vì con còn nhỏ, anh muốn vợ chồng cùng chăm sóc nuôi con. Nếu chị L cương quyết ly hôn thì anh cũng phải chịu.

Anh và chị L có 01 con chung như chị L đã trình bày. Trường hợp phải ly hôn chị L, anh đồng ý để chị L nuôi dưỡng con chung vì con chung còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi. Anh T nhận trách nhiệm góp cấp dưỡng nuôi con chung cho chị L mỗi tháng 1.000.000 đồng *(Một triệu đồng*) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi trưởng thành.

Về tài sản: Anh T khai anh và chị L không có tài sản gì chung, vợ chồng không có khoản nợ chung nào. Anh T không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên toà: *Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt, do vậy Viện kiểm sát không đưa ra quan điểm về việc chấp hành pháp luật tại phiên toà của bị đơn.*

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; về quan hệ hôn nhân cần xử cho chị L được ly hôn anh T; về quan hệ con chung xử giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Nhật Huy H, anh T có trách nhiệm góp cấp dưỡng nuôi con chung cho chị L mỗi tháng 1.000.000 đồng

(Một triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi trưởng thành; về tài sản không đặt ra giải quyết. Chị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình và anh T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Nhật T đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân giữa chị Đỗ Thị L và anh Nguyễn Nhật T xây dựng trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình đăng ký kết hôn vào ngày 30/4/2014 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, theo chị L khai vợ chồng chung sống hoà thuận đến khoảng đầu năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do chị L phát hiện thấy anh T bị nghiện ma tuý và không chăm lo cho gia đình; kinh tế gia đình khó khăn. Tháng 7/2015 chị đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Về phía anh T xác nhận cuối năm 2014 đầu năm 2015 do mải chơi nên thiếu quan tâm chăm sóc tới vợ con dẫn tới vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Thời gian trước đây anh có nghiện ma tuý nhưng nay anh không còn sử dụng ma tuý nữa. Đầu năm 2016 chị L và con đã về ở nhà bố mẹ đẻ cho đến nay không về nhà chồng, anh T có tìm nhưng chị L không về và vợ chồng đã ly thân từ đó. Nay chị L xin ly hôn, anh không đồng ý ly hôn vì con còn nhỏ. Nếu chị L cương quyết ly hôn thì anh cũng phải chịu. Qua xác minh tại cơ sở thôn nơi anh T sinh sống xác định chị L và anh T xảy ra mâu thuẫn và đã ly thân từ lâu; chị L tỏ thái độ rất cương quyết ly hôn anh T. Xét mâu thuẫn giữa chị L, anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của chị L, xử cho chị L được ly hôn anh T là phù hợp với điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Hiện nay con chung của chị L, anh T còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi đang ở cùng chị L; anh T cũng nhất trí trường hợp phải ly hôn thì để chị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung và anh nhận trách nhiệm góp cấp dưỡng nuôi con chung cho chị L mỗi tháng 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Cần giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình: Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc anh T phải có trách nhiệm góp cấp dưỡng nuôi con chung cho chị L mỗi tháng 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi trưởng thành là phù hợp.

Về quan hệ tài sản: Chị L và anh T đều không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147,điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban T vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị L được ly hôn anh Nguyễn Nhật T.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Đỗ Thị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Nhật Huy H, sinh ngày 25/6/2015. Buộc anh Nguyễn Nhật T có trách nhiệm góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị L mỗi tháng **1.000.000 đồng** (*Một triệu đồng*). Thời gian góp cấp dưỡng nuôi con chung tính từ tháng 8/2017 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi trưởng thành. Anh T được quyền thăm nom con chung.

3. Về án phí: Chị Đỗ Thị L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; anh Nguyễn Nhật T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Chuyển số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003312 ngày 01/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ thành tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Đỗ Thị L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Nhật T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Quỳnh Phụ,
- Các đương sự,
- UBND xã Q, H.Q
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thế Hùng